

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: 1584 /SXD- HĐXD

Lào Cai, ngày 12 tháng 9 năm 2014

V/v: Hướng dẫn triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 các lĩnh vực ngành Xây dựng.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Lào Cai.

Để triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 các lĩnh vực thuộc ngành Xây dựng theo định hướng quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030; yêu cầu tại Chỉ thị số 05/CT-UBND, Chỉ thị 06/CT- UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai; đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và đúng thời gian quy định. Giám đốc Sở Xây dựng đề nghị UBND các huyện, thành phố Lào Cai triển khai thực hiện theo hướng dẫn như sau:

Phần thứ nhất

I. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2015.

II. Các tồn tại hạn chế, nguyên nhân.

Phần thứ hai.

III. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực ngành Xây dựng 5 năm giai đoạn 2016- 2020.

IV. Các giải pháp thực hiện và kiến nghị đề xuất.

(Có Đề cương hướng dẫn chi tiết triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 các lĩnh vực ngành Xây dựng tại các huyện, thành phố kèm theo).

Đề nghị các huyện, thành phố truy cập theo địa chỉ để tải Đề cương hướng dẫn và các biểu mẫu: <http://laocai.gov.vn/sites/sxd>. Tại mục "Hoạt động xây dựng". Điện thoại liên hệ Phòng QLHĐ xây dựng : 0203 826 548.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH lĩnh vực ngành Xây dựng 5 năm giai đoạn 2016-2020 là nhiệm vụ rất quan trọng của tỉnh, đòi hỏi phải rà soát, nghiên cứu sâu, thời gian chuẩn bị lại rất ngắn. Vì vậy Giám đốc Sở Xây dựng đề nghị lãnh đạo UBND các huyện, thành phố Lào Cai quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện và báo cáo số liệu theo các nội của đề cương hướng dẫn. Báo cáo gửi về Sở xây dựng qua phòng Quản lý hoạt động xây dựng trước ngày 22/9/2014 để tổng hợp toàn tỉnh và gửi kèm theo hộp thư điện tử qua địa chỉ: Phong171084@gmail.com; Khanh_xdlc@gmail.com; Nguyenthuxdlc@gmail.com

Đề nghị UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện để Sở Xây dựng hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, HĐXD.



GIÁM ĐỐC

Tô Trọng Tôn

09920820

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN

Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 các lĩnh vực ngành Xây dựng tại các huyện, thành phố.

(Kèm theo công văn số: /SXD-HĐXD ngày tháng 9 năm 2014 của Sở Xây dựng)

Phần thứ nhất

I. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2015.

1. Đánh giá chung.

Tập trung đánh giá kết quả nổi bật các lĩnh vực ngành Xây dựng đã đạt được tại địa phương trong những năm qua như: Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, sản xuất và tiêu thụ vật liệu xây dựng....

2. Các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng . (Kết quả đạt được so sánh với các chỉ tiêu, mục tiêu định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020 phê duyệt tại Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án “Phát triển mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011 – 2015” và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2010 -2015; Các đề án, dự án, chương trình mục tiêu tại địa phương)

a. Công tác phát triển đô thị.

- Đánh giá công tác nâng cấp đô thị từ 2011-2014 và dự kiến hết năm 2015: Nâng cấp được bao nhiêu đô thị trên địa bàn, (Tên đô thị, từ loạilên loại), tiến độ thực hiện;

- Kết quả tổng hợp được so sánh theo tỷ lệ %

(Tổng hợp theo phụ biểu 01 trong file Excel “Các biểu TH đánh giá 2011-2015” kèm theo)

b. Công tác quản lý quy hoạch đô thị - nông thôn.

- Quy hoạch xây dựng: Thống kê tổng hợp số lượng các đồ án quy hoạch đã thực hiện trên địa bàn huyện, thành phố từ năm 2011 – 2014 và dự kiến 2015 (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch nông thôn mới), quy mô diện tích các quy hoạch (ha); tỷ lệ phù kín quy hoạch tại địa phương.

- Đánh giá chất lượng các đồ án quy-hoạch đã phê duyệt, công tác quản lý quy hoạch và tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng các công trình theo quy hoạch được duyệt, các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

(Tổng hợp theo phụ biểu số 02,số 03 trong file Excel “Các biểu TH đánh giá 2011-2015” kèm theo)

c. Công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật.

- Đánh giá việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật tại địa phương, chất lượng và khả năng khai thác sử dụng các công trình HTKT.

- Công tác quản lý, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải các khu công nghiệp trên địa bàn.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, hệ thống xử lý rác thải.

(Tổng hợp theo phụ biểu số 04 trong file Excel “Các biểu TH đánh giá 2011-2015” kèm theo)

d. Công tác quản lý chất lượng công trình và vật liệu xây dựng.

- Quản lý chất lượng công trình.

+ Đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn thực hiện của các Bộ ngành và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Sở Xây dựng.

- Quản lý vật liệu xây dựng.

+ Đánh giá tình hình sản xuất, khai thác và tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố; Tình hình chất lượng sản phẩm so với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; Bao nhiêu cơ sở khai thác, sản xuất chế biến đá, cát xây dựng theo quy hoạch đã được tỉnh phê duyệt, bao nhiêu cơ sở khai thác không đúng quy hoạch.

+ Sản lượng sản xuất, khai thác, tiêu thụ hàng năm trên địa bàn

(*Tổng hợp theo phụ biểu số 05 trong file Excel "Các biểu TH đánh giá 2011-2015" kèm theo*)

e. Công tác quản lý nhà và thị trường bất động sản.

+ Đánh giá tiến độ thực hiện các dự án phát triển đô thị, dự án nhà ở xã hội trên địa bàn;

+ Tình hình triển khai thực hiện đề án nhà ở cho người có công với cách mạng;

+ Nhu cầu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho lao động tại các khu công nghiệp, nhà ở cho học sinh, sinh viên các trường Đại học, cao đẳng tại địa phương.

(*tổng hợp theo biểu số 04 – Mục B và phụ lục số 06, phụ lục 07 trong file Excel "Các biểu TH đánh giá 2011-2015" kèm theo*)

g. Công tác quản lý kinh tế xây dựng.

- Đánh giá tình hình quản lý giá vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Sự phù hợp khi áp dụng các tập định mức, đơn giá hiện nay trên địa bàn trong công tác lập, thẩm định, thẩm tra thiết kế - dự toán các dự án, công trình xây dựng.

- Kết quả thực hiện công tác thẩm tra thiết kế - dự toán công trình theo phân cấp (Số lượng công trình, tổng giá trị đề nghị thẩm tra (theo đề nghị của chủ đầu tư), tổng giá trị thẩm tra, tổng giá trị dự toán giảm trừ, bằng ...% tổng dự toán.

h. Công tác quản lý hoạt động xây dựng.

- Đánh giá tình hình hoạt động của các doanh nghiệp tư vấn, doanh nghiệp thi công xây dựng trên địa bàn, số lượng ND hoạt động tư vấn, doanh nghiệp thi công xây dựng...

3. Lĩnh vực đầu tư phát triển (đầu tư công). Tập trung đánh giá kết quả đạt được, các khó khăn tồn tại theo hướng dẫn tại công văn số 1437/SKH-TH ngày 26/8/2014 của Sở Kế hoạch & Đầu tư về việc hướng dẫn triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và hệ thống biểu mẫu đính kèm. Nội dung chủ yếu đánh giá:

- Tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015.

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN giai đoạn 2011-2015.

- Tình hình xử lý nợ đọng XDCB: triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và số

14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

(Biểu mẫu tổng hợp báo cáo đánh giá: Truy cập các biểu mẫu kèm theo văn số 1437/SKH-TH ngày 26/8/2014 của Sở Kế hoạch & Đầu tư).

II. Các tồn tại hạn chế, nguyên nhân.

1. Các tồn tại hạn chế: Căn cứ đánh giá kết quả đã đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực ngành Xây dựng trong giai đoạn 2011-2015, các huyện thành phố chỉ ra các tồn tại hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch PT KTXH và kế hoạch đầu tư phát triển.

2. Nguyên nhân: Các nguyên nhân của tồn tại hạn chế.

Phần thứ hai.

III. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực ngành Xây dựng 5 năm giai đoạn 2016- 2020.

1. Nhận định tình hình: Nhận định các thuận lợi, khó khăn.

2. Các căn cứ để xây dựng kế hoạch.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011-2015;
- Định hướng nghị quyết Đại hội các cấp nhiệm kỳ 2016-2020.
- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Lào Cai 5 năm 2016-2020 tầm nhìn năm 2030, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực¹;
- Quy hoạch vùng tỉnh Lào Cai; Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt, Chương trình phát triển đô thị các huyện, thành phố;
- Dự báo tình hình kinh tế thế giới, tình hình kinh tế trong nước trong giai đoạn tới 2016-2020;
- Các quan điểm phát triển của Chỉ thị số 05/CT-UBND, CT 06/CT-UBND ngày 18/8/2014;
- Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020;
- Quyết định 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;
- Quyết định 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến 2030;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;
- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; Hướng dẫn số 5318/BKH-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, tỉnh Lào Cai;

¹ Các huyện thành phố liên hệ phòng QL HĐXD sở Xây dựng để lấy thông tin.

3. Các mục tiêu, định hướng chủ yếu:

Trên cơ sở quán triệt quan điểm phát triển và căn cứ xây dựng kế hoạch nêu trên, đề nghị các huyện thành phố chuẩn bị một cách kỹ lưỡng để xây dựng KH phát triển KTXH lĩnh vực ngành Xây dựng 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, trong đó cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Về quy hoạch và phát triển đô thị.

a. Mục tiêu tổng quát.

Nhằm tổ chức tốt không gian đô thị, nông thôn và khu chức năng đặc thù; tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tạo lập môi trường thích hợp cho người dân tại các địa phương, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia với lợi ích cộng đồng; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Định hướng phát triển.

- Đối với Thành phố Lào Cai cần tập trung rà soát các quy hoạch vùng, quy hoạch chung, các quy hoạch chi tiết đã thực hiện, chương trình phát triển đô thị thành phố để đề xuất thực hiện các quy hoạch trên địa bàn đáp ứng các tiêu chí phát triển sau khi nâng cấp đô thị thành phố lên loại II dự kiến vào năm 2015.

- Đối với đô thị Sa Pa: Cần tập trung rà soát các quy hoạch vùng, quy hoạch chung, các quy hoạch chi tiết đã thực hiện, chương trình phát triển đô thị huyện Sa Pa, để đề xuất thực hiện các quy hoạch trên địa bàn đáp ứng các tiêu chí phát triển sau khi thành lập thị xã Sa Pa vào năm 2014 và nâng cấp đô thị Sa Pa từ loại IV lên loại III dự kiến vào năm 2019;

+ Tập trung rà soát và đề xuất thực hiện các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại để đáp ứng các yêu cầu về nhà ở của nhân dân trên địa bàn giai đoạn 2016-2020.

+ Quy hoạch, đầu tư nâng cấp trung tâm cụm xã Thanh Phú, huyện Sa Pa trở thành đô thị loại V vào năm 2017 và là trung tâm các xã hạ huyện Sa Pa hiện tại, dự kiến là trung tâm huyện lỵ mới sau này.

- Đối với huyện Bảo Thắng.

+ Phát triển cụm đô thị Phố Lu – Tầng Loỏng đạt tiêu chí đô thị loại IV, là trung tâm công nghiệp chế biến khoáng sản, luyện kim, hóa chất trong năm 2015. Dự kiến nâng cấp lên đô thị loại III và thành lập thị xã vào năm 2020;

- Các huyện còn lại:

+ Xây dựng đô thị mới Bảo Hà – Tân An sớm đạt tiêu chí đô thị loại V, là trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch, công nghiệp cán thép, sản xuất vật liệu xây dựng trong năm 2015. Dự kiến nâng cấp đô thị lên loại IV vào năm 2018.

+ Quy hoạch, đầu tư phát triển đô thị Bản Vược – Bát Xát thành đô thị loại V trước năm 2019.

+ Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị Bắc Ngầm, huyện Bảo Thắng, đạt tiêu chí đô thị loại V trước năm 2019.

+ Quy hoạch, nâng cấp thị trấn Bắc Hà – trung tâm chính trị, hành chính của huyện Bắc Hà, đã được quy hoạch xây dựng đô thị và đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị cơ bản hoàn chỉnh, tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển các cơ sở công nghiệp, dịch vụ để hội đủ tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2017.

+ Thị trấn Phố Ràng là trung tâm chính trị, hành chính của huyện Bảo Yên, là trung tâm thương mại, du lịch, phát triển công nghiệp chế biến nông sản – lâm sản, vật liệu xây dựng... cần được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và mở rộng diện tích về phía Đông và phía Tây Nam thị trấn để hội đủ tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2020.

+ Thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, cần được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển dịch vụ, thương mại và tiểu, thủ công nghiệp để đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2020.

+ Đô thị xã Bản Lầu huyện Mường Khương cần được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển nông nghiệp, dịch vụ, thương mại và tiểu, thủ công nghiệp để đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2019.

+ Thị tứ Võ Lao huyện Văn Bàn cần được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển nông nghiệp, dịch vụ, thương mại và tiểu, thủ công nghiệp để đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2018.

+ Đô thị huyện lỵ Si Ma Cai, đã được quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cơ bản hoàn thiện và đáp ứng được tiêu chí đô thị loại V.

+ Các đô thị Bát Xát, Mường Khương, Văn Bàn cần được quan tâm đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang đô thị để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị theo mạng lưới đô thị chung của tỉnh, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh, quốc phòng.

3.2. Về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

a. Mục tiêu.

- Đến năm 2020, đảm bảo 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 90% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đảm bảo 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; khoảng 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý.

- Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, đô thị - công nghiệp để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và phục vụ phát triển sản xuất bền vững theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng.

b. Định hướng phát triển.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị Lào Cai, Sa Pa, Phố Lu, Tàng Loóng, Bắc Hà; các khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị mới Bảo Hà - Tân An, Thanh Phú; các trung tâm xã, cụm xã có điều kiện phát triển;

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn cho các đô thị trọng điểm, các khu công nghiệp trên địa bàn; cải tạo nâng cấp mở rộng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh cho các đô thị khác.

- Đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, nâng công suất các nhà máy nước sạch đáp ứng nhu cầu nhân dân các đô thị đảm bảo cung cấp cho toàn bộ các hộ dân cư nội thị và một số hộ ngoại thị cho thành phố Lào Cai, thị trấn Bát Xát, Sa Pa, Phố Ràng, Khánh Yên...

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống điện chiếu sáng đô thị, công viên cây xanh, thoát nước, bến bãi đỗ xe trong đô thị;

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống nghĩa trang trong tỉnh.

3.3. Về nhà ở & thị trường bất động sản.

a. Mục tiêu :

- Phát triển đa dạng các loại nhà ở có diện tích và mức độ tiện nghi đáp ứng các nhu cầu của thị trường và điều kiện thu nhập của các tầng lớp dân cư. Từng bước giải quyết nhu cầu về nhà ở cho các đối tượng chính sách, nhà ở cho người nghèo, nhà ở cho người thu nhập thấp....

- Đến 2020 Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 25 m² sàn/người, trong đó tại đô thị đạt 29 m² sàn/người và tại nông thôn đạt 22 m² sàn/người; phân đầu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 8 m² sàn/người;

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn tỉnh đạt khoảng 70%, trong đó tại đô thị đạt trên 75%, tại nông thôn đạt 65%; xóa hết nhà ở đơn sơ trên phạm vi toàn tỉnh; nâng tỷ lệ hộ gia đình có công trình phù hợp vệ sinh lên 90%, trong đó tại đô thị đạt xấp xỉ 100% và tại nông thôn đạt trên 80%;

- Tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại các đô thị loại II đạt trên 60%, đô thị loại III đạt trên 40% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới; tỷ lệ nhà ở cho thuê đạt tối thiểu khoảng 30% tổng quỹ nhà ở tại các đô thị loại III trở lên.

Đến năm 2030, phân đầu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn quốc khoảng 30 m² sàn/người, diện tích nhà ở tối thiểu đạt 12 m² sàn/người.

b. Định hướng phát triển.

- Giải quyết nhà ở cho người có công với cách mạng theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng khi mua, thuê nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước, khi giao đất làm nhà ở; thực hiện việc ưu tiên và hỗ trợ đối với người có công với cách mạng khi thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng hoặc nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp do các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng;

- Giải quyết nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ để các hộ gia đình có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững theo nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn ngân sách kết hợp với nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội và nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho các đối tượng gặp khó khăn về nhà ở;

- Giải quyết nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị theo hướng Nhà nước chủ động đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội từ nguồn ngân sách nhà nước để cho thuê, thuê mua; đồng thời ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở thu nhập thấp để bán, cho thuê, thuê mua;

4. Đề xuất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH lĩnh vực ngành Xây dựng 5 năm giai đoạn 2016-2020.

4.1. Các chỉ tiêu quản lý nhà nước ngành xây dựng.

a. Lĩnh vực phát triển đô thị

(Tổng hợp theo phụ lục 1 trong file Excel "Các chỉ tiêu KH 2016-2020" kèm theo)

b. Lĩnh vực quản lý quy hoạch đô thị - nông thôn.

c. Lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật.

(Tổng hợp theo phụ lục 4 trong file Excel "Các chỉ tiêu KH 2016-2020" kèm theo)

d. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình và vật liệu xây dựng.

- Quản lý chất lượng công trình.

- Quản lý vật liệu xây dựng.

(Tổng hợp theo phụ lục 5 trong file Excel “Các chỉ tiêu KH 2016-2020” kèm theo)

e. Lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản.

(Tổng hợp theo phụ lục 6,7 trong file Excel “Các chỉ tiêu KH 2016-2020” kèm theo)

g. Lĩnh vực quản lý kinh tế xây dựng.

h. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng.

4.2. Đề xuất danh mục các đề án, chương trình, các đồ án, dự án, công trình xây dựng thực hiện trong 5 năm 2016 - 2020.

a. Các đề án, chương trình phát triển: Đề án nâng cấp đô thị, đề án phát triển về nhà ở và các chương trình mục tiêu.

b. Các đồ án quy hoạch xây dựng (Quy hoạch điều chỉnh, quy hoạch mới), bao gồm: Quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

(Tổng hợp theo phụ lục 2,3 trong file Excel “Các chỉ tiêu KH 2016-2020” kèm theo)

c. Các dự án công trình xây dựng, bao gồm: Các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.

(Tổng hợp theo Biểu 1 trong file Excel “ Biểu danh mục đầu tư 2016-2020” kèm theo)

d. Các dự án công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (Công trình cấp, thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, nghĩa trang, bãi đỗ xe , hệ thống tuy len kỹ thuật.

(Tổng hợp theo Biểu 1 trong file Excel “ Biểu danh mục đầu tư 2016-2020” kèm theo)

g. Các dự án đầu tư phát triển đô thị: Dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án tái nâng cấp, mở rộng đô thị..

(Tổng hợp theo Biểu 2 trong file Excel “ Biểu danh mục đầu tư 2016-2020” kèm theo)

Các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tập trung nghiên cứu, rà soát thực hiện các quy hoạch, kế hoạch của ngành, từ đó đề xuất danh mục các đồ án, dự án, công trình cần phải triển khai thực hiện để đáp ứng các yêu cầu phát triển KTXH của tỉnh và của ngành Xây dựng hiện nay tại địa phương.

IV. Các giải pháp thực hiện và kiến nghị đề xuất.

1. Các giải pháp thực hiện: Đưa ra các giải pháp để triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong 5 năm giai đoạn 2016-2020.

2. Các đề xuất kiến nghị: Nêu rõ các kiến nghị với Tỉnh, các ngành liên quan trong việc xây dựng kế hoạch 5 năm và tổ chức thực hiện kế hoạch.